

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

QUYỂN 2

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Thành tựu đa văn, Tổng trì, Biển văn tuệ, Tụ tập tạng văn tuệ mà không được cao ngạo.

2. Đầy đủ bốn vô ngại: Nghĩa, pháp, từ, nhạo thuyết mà luôn siêng năng.

3. Biết thế, thời, thuyết pháp, chúng sinh mà luôn tôn kính sự tu hành của bậc Trưởng đức.

4. Biết luận, nghĩa, giáo hóa chúng sinh mà luôn học hỏi.

5. Thành tựu các hạnh thiếu dục, tri túc mà luôn cúng dường phụng sự các bậc Tôn túc.

6. Thành tựu diêu tịnh, tịch tĩnh, tâm nhu hòa không khiếp sợ mà luôn sống với hạnh tâm, quý.

7. Thành tựu đầy đủ công đức sâu xa mà tùy thuận chúng sinh, thị hiện những sự cấu ứ, không giải thoát của thế gian.

8. Thành tựu tự tánh, trực tâm, tâm nhu hòa, tâm an lạc mà thị hiện làm những việc giống như phá giới.

9. Thành tựu Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà không tham đắm.

10. Phân biệt các cảnh giới, cắt đứt sự ràng buộc của phiền não tham sân mà luôn siêng năng đoạn trừ phiền não cho chúng sinh. Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Đại Bồ-tát chấm dứt mọi sự tham cầu, nhưng luôn siêng năng tạo công đức của Đại Bồ-tát.

2. Hiểu rõ sự vắng lặng của các pháp nên không chứng Bồ-đề, nhưng luôn siêng năng tu bố thí.

3. Hiện biết các pháp vô cùng tận nhưng luôn sống nhẫn nhục, an lạc.

4. Thường sống trong cảnh giới thiền định sâu xa, nhưng vẫn tạo điều lành với chúng sinh.

5. Đầy đủ diêu tịnh tịch tĩnh nhưng vẫn thị hiện tâm tán loạn, điên đảo để giáo hóa chúng sinh.

6. Thành tựu Đà-la-ni và bốn Vô ngại nhưng luôn siêng năng học hỏi, hiểu biết.

7. Thành tựu tạng pháp bí mật nhưng vẫn siêng năng trải qua trăm ngàn do-tuần để học một bài kệ.

8. Biết các pháp không do người khác đem đến nhưng siêng năng gần gũi, cung kính sự trưởng.

9. Biết các pháp không sinh diệt, nhưng luôn siêng năng hộ trì chánh pháp.

10. Không thấy có chúng sinh và danh tự chúng sinh nhưng luôn siêng năng giáo

hóa chúng sinh, đạt Đại Bồ-đề.

Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Vì thành tựu Nhiếp thọ ngữ nên thực hành bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự.
2. Vì thành tựu Nhu nhuyễn ngữ nên phát tâm đại Bi.
3. Vì thành tựu Tùy thuận ngữ nên tùy thuận tịch tĩnh, lìa phiền não, giải thoát.
4. Vì thành tựu Tùy thuận ngữ nên tùy thuận Chỉ, Quán và chân như.
5. Vì thành tựu Thiện xảo ngữ nên đầy đủ lời nói rõ ràng, không bị chê trách, không ai xâm đoạt.
6. Vì thành tựu Tự nghĩa ngữ nên bỏ lời ác, đủ lời thật nghĩa.
7. Vì bỏ lời dua nịnh nên phá trừ vô minh, lừa dối chúng sinh.
8. Vì không có lời nghi ngờ nên hiện thấy tướng các pháp.
9. Vì trừ bỏ lời nói phiền não kết sử, nên đoạn trừ nhân của phiền não và tùy thuận phiền não.
10. Không còn lời nói căn bản phiền não vì không còn ở nơi trần cấu phát khởi.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Đại Bồ-tát thuyết giảng giáo pháp đều y theo diệu pháp, không vì sự cung kính cúng dường mà thuyết pháp.
2. Nương nơi tất cả chư Phật, không nương theo tự tâm mà thuyết pháp.
3. Nương nơi gốc đại Từ bi, không nương gốc phiền não, tùy phiền não mà thuyết pháp.
4. Vì đoạn trừ phàm phu tùy thuận kết sử, không vì người đoạn tuyệt sự tùy thuận Phật, Pháp, Tăng như pháp tu hành mà thuyết pháp.
5. Vì lòng đại Từ bi tạo lợi ích cho chúng sinh, không vì an lạc tự lợi mà thuyết pháp.
6. Phàm người thuyết pháp nương vào pháp thâm diệu để thuyết giảng, do vì đã rất rạo các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện.
7. Người thuyết giảng y theo người thù thắng mà thuyết vì có thể tùy thuận chuyển bánh xe pháp lớn.
8. Người thuyết pháp do có khả năng hàng phục ma ngũ ấm, ma chết, ma phiền não, Thiên ma nên thuyết pháp để hàng phục tất cả ma oán.
9. Người thuyết pháp tùy thuận đạo tràng mà thuyết, vì đó là nơi thế gian đáng cúng dường.
10. Người thuyết pháp tùy thuận tất cả trí hiểu biết mà thuyết là vì đã đạt được mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Thích nghiệp sát sinh phạm hạnh không thích nghiệp sát sinh thế gian.

2. Thích pháp các bậc Thánh thực hành nhưng lại làm việc đáng trách để giáo hóa chúng sinh.

3. Thích thức ăn chánh pháp không tham thức ăn thế gian.

4. Thích nơi vắng lặng không tham đắm nơi thành ấp, xóm làng.

5. Thích sự giác ngộ của chư Phật, không mong cầu sự giác ngộ của Thanh văn, Bích-chi-phật.

6. Thích đoạn trừ sở tri chướng, không thích đoạn trừ phiền não chướng.

7. Thích thành tựu sắc thân với ba mươi hai tốt tướng, tám mươi vẻ đẹp, không thích chỉ chứng pháp thân.

8. Thích thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, không thích chỉ chứng pháp tứ đế.

9. Thích tùy thuận thiện căn của chúng sinh, không thích tu tập thiện căn chính mình.

10. Thích đoạn trừ phiền não và chủng tử phiền não, không thích chỉ đoạn trừ pháp phiền não chướng.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thí dụ tương đương của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì?

1. Thiện nam! Ví như tánh của đất bình đẳng có thể nâng đỡ hết thủy chúng sinh nhưng không mong đền đáp, Bồ-tát pháp sư cũng vậy, tâm tánh bình đẳng, che chở chúng sinh mà không mong đền đáp.

2. Thiện nam! Ví như tánh của nước có thể làm tươi nhuận mọi vật, nhưng không mong đền đáp, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, đem công đức mình tạo lợi ích cho chúng sinh để họ được an ổn mà không mong đền đáp.

3. Thiện nam! Ví như tánh của lửa có thể làm chín mọi vật, nhưng không mong cầu, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, dùng công đức, trí tuệ của mình tạo sự thành tựu đầy đủ về quả báo của thiện căn cho chúng sinh mà không mong đền đáp.

Thiện nam! Ví như tánh của gió có thể nuôi lớn mọi cỏ cây, nhưng không phân biệt, không mong cầu, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, có khả năng làm tăng trưởng Sinh thân, Pháp thân của chúng sinh mà không mong đền đáp.

5. Thiện nam! Ví như hư không rộng lớn vô cùng, thể của nó không chướng ngại, dung nạp mọi thứ nhưng không phân biệt không tham vướng, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, thành tựu vô số công đức, thể tánh không chướng ngại, tạo lợi ích cho chúng sinh nhưng không phân biệt, không tham chấp.

6. Thiện nam! Ví như trăng sáng trong hư không thanh tịnh tròn đầy, ai thấy cũng thích, chiếu soi mọi hình tượng trong thế gian nhưng không bị nhơ ố, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, xuất hiện ở đời, đầy đủ công đức, chúng sinh ở bất cứ nơi nào thấy được đều yêu thích, cứu độ chúng sinh nhưng không bị thế gian làm ô nhiễm.

7. Thiện nam! Ví như mặt trời mọc rọi khắp nơi, không còn tăm tối, không bị chướng ngại, chúng sinh làm việc đều được thành tựu, nhưng tánh không phân biệt, không mong báo ân, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, xuất hiện ở đời, phá trừ vô minh tăm tối của chúng sinh, dùng trí tuệ sáng soi làm căn lành của chúng sinh tăng trưởng, nhưng không phân biệt, không mong đền đáp.

8. Thiện nam! Ví như chiếc thuyền bền chắc không hư hoại, đưa chúng sinh qua

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

biển nhưng không đòi hỏi đền đáp, Bồ-tát pháp sư cũng vậy, lấy trí tuệ làm sự bền chắc, lấy các Ba-la-mật làm sự vững chãi, lấy đại Từ bi làm dây khéo léo, đưa chúng sinh qua biển sinh tử mà không đòi hỏi đền đáp.

9. Thiện nam! Ví như chiếc cầu bắc ngang qua ghềnh thác, sông suối nguy hiểm đáng sợ, đem đến sự an lạc bình đẳng cho chúng sinh đi qua mà không có ý tưởng phân biệt, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, lá chiếc cầu trong dòng thác phiền não nguy hiểm đáng sợ, đem đến sự an lạc bình đẳng cho chúng sinh, mà không có tâm phân biệt độ thoát.

10. Thiện nam! Ví như đốt đèn sáng trong nhà tối, đối với chúng sinh thượng, trung, hạ ánh đèn vẫn bình đẳng chiếu soi mà không có ý tưởng về ngã, ngã sở, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, đốt đèn sáng trí tuệ trong nhà vô minh tăm tối, bình đẳng chiếu soi cho chúng sinh thượng trung, hạ mà không có tâm về ngã, ngã sở.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thí dụ tương ứng của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được pháp không nên chung sống. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Không ở chung với chúng sinh yếu kém, tâm thấp hèn hẹp hòi.
2. Không ở chung với chúng sinh không có tâm rộng lớn, hạnh rộng lớn, biếng nhác.
3. Không ở chung với chúng sinh có tâm kiêu mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn giống như cờ phướn cao.
4. Không ở chung với chúng sinh keo kiệt, phá giới, sân hận, biếng nhác, loạn tâm, ngu si.
5. Không ở chung với chúng sinh luôn tham dục, sân hận, não hại, giác quán.
6. Không ở chung với chúng sinh phân biệt đủ thứ.
7. Không ở chung với chúng sinh bị triền cái, chướng ngại phiền não sai sử.
8. Không ở chung với hàng Thanh văn, Bích-chi-phật và tâm niệm thế gian.
9. Không sống với tâm niệm mong cầu cung kính khen ngợi, lễ bái.
10. Không sống với tâm ngã, ngã sở.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được pháp không nên chung sống.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát không sống với mười tâm xả bỏ. Những gì là mười? Đó là:

1. Không sống với tâm không giữ gìn diệu pháp.
2. Không sống với tâm không nghe diệu pháp.
3. Không sống với tâm không giáo hóa chúng sinh.
4. Không sống với tâm không bố thí pháp cho chúng sinh.
5. Không sống với tâm không tôn trọng cung kính cúng dường.
6. Không sống với tâm không hàng phục ma chướng.
7. Không sống với tâm không dẹp trừ ngoại đạo.
8. Không sống với tâm không hộ trì diệu pháp.
9. Không sống với tâm không tu các Ba-la-mật.
10. Không sống với tâm không hồi hướng về ba tụ.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát đối với mười loại tâm xả bỏ đều không chung sống.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được các sự

việc nên hóa hiện. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Sự hóa hiện ra Chuyển luân vương.
2. Sự hóa hiện ra Đế Thích.
3. Sự hóa hiện ra Phạm Vương.
4. Sự hóa hiện ra Thanh văn.
5. Sự hóa hiện ra Bích-chi-phật.
6. Sự hóa hiện ra Bồ-tát.
7. Sự hóa hiện ra Phật.
8. Sự hóa hiện ra đất nước Phật.
9. Sự hóa hiện ra Đạo tràng.
10. Sự hóa hiện ra Đại chúng.

Thiện nam! những sự ứng hóa này đều do Bồ-tát tùy thuận lòng mong muốn của chúng sinh.

Thiện nam! Nếu chúng sinh có tâm tôn kính Chuyển luân vương, giữ giới, tu hành mười nghiệp lành, có oai nghi thì Bồ-tát thị hiện những sự trang nghiêm của Chuyển luân vương để tạo lợi ích cho họ. Thiện nam! Bánh xe báu ngàn cãm trang nghiêm của Chuyển luân vương đều làm bằng vàng Diêm-phù-đàn, vượt hơn trời, người, phi nhân do công đức nơi ý nguyện sinh ra, ai thấy cũng thích, những Luân vương phàm không có được như vậy. Voi báu thì thân hình sáng đẹp, đầy đủ sáu ngà và các tướng, ai thấy cũng thích, đi trong hư không nhanh lẹ như voi Yên-la-bà-na, chim cánh vàng... do phước lực của căn lành thù thắng hóa sinh, những Luân vương phàm không có được. Ngựa báu thì sắc xanh biếc, tánh thuần thực hiền lành giống như ngựa chúa Bà-la-ha, đi trong hư không nhanh lẹ như gió, xứng ý nhà vua giống như ngọc Như ý, những Luân vương phàm không có. Ma-ni báu thì tự nhiên đầy đủ góc cạnh, không phải do thợ làm ra, sắc sáng rực che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, lửa, muốn gì được nấy, những Luân vương phàm không có. Ngọc nữ thì da dẻ mịn màng, hình tướng xinh đẹp, không quá đen trắng, cao thấp mập ốm, oai nghi, cử chỉ đều rất ưa nhìn, lại thông đạt hết kỹ thuật thế gian và luận điểm của năm minh, giọng nói hòa nhã êm dịu, thành tựu biện tài, lời lẽ khéo léo, đầy đủ mọi việc thù thắng như ngọc Như ý, tâm luôn an lạc, thực hành pháp thiện, những Luân vương phàm không có. Chủ tàng báu thì thân cao lớn, tánh khí vững chải ví như lực sĩ Kim cang, vua Tỳ-sa-môn, khôi ngô tuấn tú, nói năng lưu loát, ai thấy được nghe đều vui thích, thành tựu mất thịt đầy đủ từ bi, muốn gì được nấy như ngọc Như ý, Chủ tàng báu này do thiện căn của Luân vương hóa sinh, những Luân vương phàm không có. Chủ binh báu thì do tất cả công đức của thiện căn hóa sinh, giống như ngọc ma-ni ảnh tượng trong gương, hoàn tất mọi mong muốn của vua, thấy hình tướng là biết được mọi việc, những vật cần dùng đều thù thắng không thể chê trách, đi trong hư không tự tại vô ngại, luôn dẫn đường theo ý vua, nơi nào đi qua đều được chinh phục, những Luân vương phàm không có. Bảy sự quý báu của Chuyển luân vương đó đều do thần lực tự tại của Bồ-tát tạo ra để làm an lạc cho chúng sinh. Vật báu và sự tạo nghiệp của vua đều thù thắng không thể chê trách, dùng những tâm chân thật nhu hòa, tùy thuận chánh pháp chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sinh thực hành mười nghiệp lành, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.

Thiện nam! Nếu chúng sinh tôn kính Đạo-lợi vương thì Bồ-tát hóa thân làm Đế Thích có một trăm mắt ở cõi trời Tam thập tam, nói: Mọi pháp đều vô thường, các người nên bỏ phóng dật.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thiện nam! Nếu chúng sinh tôn trọng Đại phạm vương, thì Bồ-tát hóa thân làm Phạm vương, oai nghi thù thắng, giảng thuyết bốn Thiên định cho đại chúng.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng thân Thanh văn để hóa độ, không dùng thân Bích-chi-phật và thân Phật thì Bồ-tát hóa thân Thanh văn, nói pháp chấm dứt các khổ, được vui vô vi cho chúng sinh ấy.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng thân Bích-chi-phật để hóa độ, không dùng thân Thanh văn, thân Phật thì Bồ-tát hóa thân Bích-chi-phật giảng thuyết pháp của Bích-chi-phật, nói rõ các pháp đều vô thường, thích chỗ vắng lặng, nói giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, bốn Như ý túc, Bích-chi-phật là ruộng phước lớn, giảng pháp vô vi, giáo hóa chúng sinh làm cho chúng sinh có chánh tín.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng thân Bồ-tát để hóa độ thì Bồ-tát dùng thân vi diệu thanh tịnh, thuyết giảng sáu pháp Ba-la-mật, bốn pháp tịch tĩnh, đại Từ, đại Bi, các sức nhẫn nhục tự tại.

Thiện nam! Chúng sinh nào đầy đủ căn lành nên dùng thân Phật để độ thoát thì Bồ-tát hóa thân Phật thuyết giảng mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, thị hiện thần thông thù thắng của chư Phật.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng cõi thanh tịnh trang nghiêm thù thắng của chư Phật để độ thoát thì Bồ-tát biến ra tam thiên đại thiên thế giới bằng phẳng như bàn tay không cao thấp, đất mềm mại như cỏ Ca-lân-đà, ai tiếp xúc cũng đều vui vẻ và màu sắc như lưu ly, thoảng hương Ưu-la-ca chiên-đàn, không có các đường ác, không có người nữ, kẻ huỳnh môn, hoặc tạo ra núi bằng bảy báu xinh đẹp, đủ các loại hoa trái thơm lạ, không có những núi tối tăm, hầm hố, gò đống, sạn sỏi, cỏ cây như uế, gai góc, hiện ra những thắng sự để giáo hóa chúng sinh.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng đạo tràng thù thắng trang nghiêm để hóa độ thì Bồ-tát thị hiện cây đạo tràng trang nghiêm cao to hai mươi do-tuần, rễ cây chắc chắn không lay động được, thân cây bằng vàng Diêm-phù-đàn, nhánh lá bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, mã não và hiện ra vô số người nữ.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng đại chúng thù thắng để độ thoát thì Bồ-tát hóa hiện chư Thiên oai đức lớn, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-đà, Thích Đề-hoàn nhân, Phạm thiên vương, Tứ thiên vương hoặc Thanh văn đạt bốn Vô ngại giải thoát, hoặc Bồ-tát trụ Địa thứ mười đạt Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được các sự việc nên hóa hiện.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được quả báo thù thắng của các căn lành. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Thiện nam! Ví như do có mặt trăng trong hư không mà thấy các hình tượng mặt trăng trong nước, nhưng mặt trăng trong hư không không xuống nước. Cũng vậy, do nhân duyên lành mà có quả thù thắng, thành tựu mọi ý thích. Như mặt trăng trong hư không không xuống nước, nhân duyên lành cũng không đi đến quả báo nhưng vẫn do đó mà quả báo thù diệu, sai khác.

2. Thiện nam! Ví như do nghiệp nhân nhìn vào vòng tròn trên lông chim công thì thấy các màu sắc. Cũng vậy, Đại Bồ-tát do nghiệp, nhân lành mà có vô số quả báo sai khác. Như nghiệp nhân không đi vào cái vòng tròn trên lông nhưng vẫn do lực của nó nên nhìn thì thấy các màu sắc. Cũng vậy, nghiệp, nhân lành không đi đến quả báo,

nhưng vẫn do đó mà quả báo thù thắng, sai khác.

3. Thiện nam! Ví như nhờ thiện căn thù thắng mà trong hư không mưa hoa đủ sắc hương vị, tướng hoa, hư không khác với thiện căn, cũng vậy nghiệp nhân lành không đi đến quả báo, nhưng vẫn do đó mà có vô số quả báo thù thắng, sai khác.

4. Thiện nam! Ví như do nghiệp lành thù thắng nên trong hư không có tiếng nhạc hay, vui vẻ nhưng hạnh lành ấy không đi vào tiếng nhạc, vì tướng hạnh lành khác với tiếng nhạc. Tướng tuy khác nhưng do nghiệp lành mà trong hư không có tiếng nhạc. Cũng vậy, do nghiệp nhân lành mà có quả báo thù thắng dù nghiệp nhân lành không đi đến quả báo vẫn do nghiệp nhân lành mà có vô số quả báo sai khác.

5. Thiện nam! Ví như do bốn đại tăng thượng duyên mà trong hư không có cầu vòng đủ màu dù bốn đại không đi đến cầu vòng nhưng do lực của nó mà cầu vòng đủ màu sắc khác nhau. Do địa đại có màu vàng, do thủy đại có màu xanh, do hỏa đại có màu đỏ và các màu đẹp, do phong đại có tướng tròn của cầu vòng. Cũng vậy do nghiệp nhân lành tăng thượng mà có vô số quả báo.

6. Thiện nam! Ví như Luân vương, nhờ thọ trì mười nghiệp lành mà có bảy báu, lúa gạo tự nhiên không cần trồng trọt, dù mười nghiệp lành không đi đến lúa gạo và bảy báu, nhưng vẫn do đó mà có quả báo Luân vương thù thắng. Như vậy, do lực của thiện căn, thiện tâm hành động mà có quả báo Luân vương thù thắng, nhưng vì nghiệp nhân không đi đến quả báo nên nói nhân quả khác nhau.

7. Thiện nam! Ví như nhờ nghiệp nhân thù thắng mà chư Thiên tự nhiên có hoa Mạn-đà-la, cung điện đẹp, các thức ngon, dù thiện căn không đi đến quả báo nhưng vẫn do đó mà có quả báo chư Thiên thù thắng.

8. Thiện nam! Ví như do lực thần thông như ý thù thắng nên vách đá không chướng ngại được, dù thần thông đi đến sự không chướng ngại, nhưng vẫn do đó mà có sự không chướng ngại. Cũng vậy, do thiện căn không phóng dật mà có quả báo thù thắng.

9. Thiện nam! Ví như do gió có lửa hừng, nếu không có gió thì chẳng có lửa hừng, lửa đã có thì nhờ sức lửa mà nấu chín, soi sáng, nhưng tánh lửa không do gió đưa đến, vì ánh sáng, sức nóng của lửa không có trong gió. Cũng vậy, mọi quả báo đều từ nhân duyên sinh.

10. Thiện nam nên biết, ví như Tỳ-kheo thực hành chánh pháp được công đức vô lậu, tùy ý tự tại, ở trong hư không, đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng, không chướng ngại, dù tâm không chướng ngại đó không đi vào hư không, nhưng vẫn thành tựu mọi sự không chướng ngại, vì thế từ tâm mà được mọi sự không chướng ngại. Cũng vậy, do nghiệp nhân nơi căn lành vô lậu mà có quả báo thù thắng.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được quả báo thù thắng của căn lành.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được quả báo thù thắng của thiện căn vô lậu. Mười pháp ấy là gì? Đó là: sáu Thông, ba Minh, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết nhập, mười Tự tại, mười Đế, chín Thứ đệ định Tam-ma-bạt-đề, mười Lực, mười trí.

Thiện nam! Sáu thông là gì? Đó là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Như ý trí, Lậu tận trí.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có Thiên nhãn thông thì thấy rõ đầy đủ mọi công đức lành, không chướng ngại, không đấm cháp, không dừng yên, không hành động, không sai lầm, không chê trách, không ở chung với Thanh văn, Bích-chi-phật, rời bỏ tất cả phiền não

và chủng tử phiền não, không thấy sai, nhớ sai. Đại Bồ-tát có Thiên nhãn thì thấy chúng sinh đều do nghiệp nhân mà có sống chết, đẹp xấu, thô tế, biết như thật về nhân quả. Đại Bồ-tát có Thiên nhãn thì sẽ được Phật trí, thành tựu Phật trí.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có Thiên nhĩ thông thì không gì chướng ngại được, đầy đủ mọi công đức lành hơn phàm phu, Thích Đề-hoàn nhân, Tứ thiên vương, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-đa, Thanh văn, Bích-chi-phật. Nhờ Thiên nhĩ thanh tịnh, thù thắng, không chướng ngại này mà nghe mọi thứ tiếng của Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-đa, cho đến tiếng muỗi, ruồi, nhặng, kiến, tiếng Thánh nhân, phi Thánh nhân, không thích tiếng Thánh nhân, không ghét tiếng phi Thánh nhân, nghe tiếng phàm phu không cho là thấp kém, nghe tiếng Thanh văn, Bích-chi-phật không cho là hơn, không vui khi nghe tiếng Thánh nhân, không buồn khi nghe tiếng phi Thánh nhân, nghe mọi thứ tiếng mà không có ý hay dở xem như tiếng vang trong hư không, không có ngã, ngã sở, vắng yên lặng rỗng lặng, không có tai và tiếng tham đắm. Thiện nam! Đại Bồ-tát có Tha tâm trí thì biết như thật về tâm mình, nhờ vậy mà biết như thật về tâm chúng sinh tham, không tham hay Đại Bồ-tát biết như thật về tâm tham nhưng không giận, tâm không tham cũng chẳng vui, chỉ phát tâm Bi với chúng sinh có tâm tham, phát tâm Từ với chúng sinh không tham. Cũng vậy, Đại Bồ-tát biết như thật về tâm sân hay không sân; tâm si hay không si; tâm ái hay không ái; tâm thủ hay không thủ; tâm nhiễm ô hay không nhiễm ô; tâm suy xét hay không suy xét; tâm Tam-muội hay không Tam-muội; tâm như thật biết giải thoát hay không giải thoát. Như vậy, Đại Bồ-tát biết như thật về tâm chúng sinh, đối với chúng sinh chưa giải thoát thì không sinh tâm giận, cũng không vui đối với chúng sinh giải thoát, chỉ phát khởi tâm Bi đối với chúng sinh chưa giải thoát, phát khởi tâm Từ đối với chúng sinh giải thoát. Biết như thật tất cả các pháp đều từ nơi tâm, không tham chấp tâm này, tâm kia. Đại Bồ-tát có Tha tâm trí biết như thật về tâm chúng sinh. Các chúng sinh nếu không được Bồ-tát cho niệm lực thì không thể biết tâm Bồ-tát, cho đến dùng Thiên nhãn cũng không biết được, tất cả các Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không biết được, huống gì là những kẻ phàm phu vô trí làm sao biết được. Đó gọi là Tha tâm trí của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có Túc mạng trí thì đầy đủ mọi căn lành, có thể biết được thân mạng trong vô số kiếp ở quá khứ của mình và chúng sinh, biết được một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn vạn đời cho đến vô số a-tăng-kỳ đời, vô số trăm ngàn ức na-do-tha đời, biết rõ sự thành hoại của một kiếp, vô số a-tăng-kỳ kiếp, vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, biết rõ sự thành hoại của đại kiếp, biết rõ trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, trăm ngàn vạn kiếp, vô số trăm ngàn vạn kiếp của đại kiếp. Ngoài chư Phật và Bồ-tát trụ địa ra, Đại Bồ-tát có túc mạng trí biết rõ sự mê hoặc của tất cả thế gian trời, người, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát biết mình sống ở nơi đó có họ tên, hình sắc, sự ăn uống, mạng sống, sự dừng ở, cao thấp, mập ốm, đẹp xấu, khổ vui như vậy. Sau khi chết lại sinh đến nơi kia, có họ tên, hình sắc, sự ăn uống, mạng sống, sự dừng ở, cao thấp, mập ốm, đẹp xấu, khổ vui như vậy và cũng biết rõ như vậy về thân của chúng sinh như ruồi, muỗi, nhặng, kiến... Đại Bồ-tát có Túc mạng trí thì không chướng ngại, đình trệ, không tham chấp, luôn tương ứng với đại Từ bi, sâu xa không thể suy xét được, xa rời kết sử phiền não và chủng tử phiền não, trang nghiêm bằng công đức trí tuệ thanh tịnh.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có Như ý thông trí? Là Đại Bồ-tát có mọi trí

tuệ phước đức không chướng ngại, tự nhiên không phân biệt, trải qua vô số a-tăng-kỳ trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp tu tập Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Do sức trí tuệ nơi tự thân tăng thượng và duyên tăng thượng của Như Lai tịnh thiên mà Bồ-tát thành tựu như ý nguyện, tự nhiên không chướng ngại, vượt tất cả thế gian để tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát này muốn dừng ở đâu thì ở đó, muốn thị hiện cảnh giới gì thì thị hiện cảnh giới đó. Với trí tuệ tự tại như ý Bồ-tát thị hiện khắp mọi nơi không chướng ngại. Đối với chúng sinh đáng dùng thân chúng sinh để độ thoát thì Bồ-tát thị hiện thân hình chúng sinh, hiện ra tất cả các thân hình tùy theo căn cơ của chúng sinh, làm mọi việc nói năng có oai nghi, Bồ-tát muốn biến sắc thân chúng sinh thành sắc tượng Phật thì hiện ngay. Bồ-tát lại muốn biến sắc tượng Phật thành thân chúng sinh thì hiện ngay. Bồ-tát muốn cho kiếp thành thành kiếp hoại thì thị hiện cho chúng sinh thấy hay ngược lại biến kiếp hoại trở thành kiếp thành. Như thế tất cả sự thành hay hoại đều thị hiện ra. Bồ-tát lại muốn làm cho một kiếp trở thành một phần của ngày thì thị hiện cho chúng sinh thấy. Bồ-tát muốn cho một phần của ngày thành một kiếp thị hiện cho chúng sinh thấy như thế. Đó là Đại Bồ-tát hóa hiện Như ý thông. Đại Bồ-tát đạt hiện tiền Như ý thông là Đại Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn tự nhiên vô tâm mà thành, thành tựu mọi việc hiện tiền không bị hư hoại. Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt Như ý thông tự nhiên? Chúng sinh nào có tín tâm như vậy, thích thấy các hình sắc oai nghi thì Bồ-tát không suy xét, không phân biệt mà tự nhiên hiện. Có bao nhiêu thế giới chúng sinh thích thấy Phật ra đời để độ thoát thì Bồ-tát thị hiện Đức Phật ra đời ở những nơi đó, từ cõi trời Đâu-suất hiện xuống, vào thai, ra thai, xuất gia tu khổ hạnh, đến đạo tràng, chiến thắng ma, thành Chánh giác, chuyển bánh xe pháp, thị hiện Niết-bàn để giáo hóa chúng sinh. Thiện nam! Đại Bồ-tát có Như ý thần thông trí thì có vô lượng cảnh giới thần thông như ý như thế.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có Lưu tận trí thông? Bồ-tát xa lìa bốn lậu: đó là dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đại Bồ-tát xa lìa các lậu như thế không còn thọ sinh. Tuy không thọ sinh nhưng Bồ-tát tùy thuận thị hiện những nơi sinh để giáo hóa chúng sinh, đó là Bồ-tát an nhiên hành đạo Bồ-tát không dừng nghỉ.

Thiện nam! Ba Minh của Bồ-tát là gì? Đó là Thiên nhãn trí minh, Túc mạng trí minh, Lưu tận trí minh.

Thiện nam! Thế nào là trí có Thiên nhãn trí, Thiên nhãn minh? Thế nào là Thiên? Là Thiên nhãn trí của Thanh tịnh thiên và Thắng diệu thượng thiên, Bồ-tát đạt được Thiên nhãn trí đó. Thanh tịnh thiên là Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, chư Phật. Thắng diệu thượng thiên là chư Phật, Như Lai, trên các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát được Thiên nhãn của chư Phật, Như Lai là Minh thứ nhất.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có Túc mạng trí minh? Chư Phật Như Lai thấy, hiểu hết các cảnh giới quá khứ, hiện tại, vị lai, Bồ-tát đạt được lãnh vực đó là Bồ-tát có Túc mạng trí minh. Minh này khác với Thanh văn, Bích-chi-phật, đó là Minh thứ hai.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có Lưu tận trí minh? Bồ-tát từ bỏ bốn lậu: dục, hữu, kiến, vô minh và chủng tử phiền não. Khi Bồ-tát chứng được kiến đạo thì đã đoạn trừ được phiền não và chủng tử phiền não đó, không phải chỉ đoạn trừ pháp phiền não chướng, lại khác với Thanh văn, Bích-chi-phật. Đã đạt lậu tận thì không còn chướng ngại trong việc thọ sinh và giáo hóa chúng sinh.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có tám Giải thoát?

Đó là:

1. Có sắc thấy sắc là giải thoát thứ nhất.
2. Bên trong có sắc tướng thấy sắc bên ngoài là giải thoát thứ hai.
3. Tin vào sự thanh tịnh là giải thoát thứ ba.
4. Vượt qua các sắc tướng, chấm dứt các tướng đối đãi, không nghĩ đến các tướng khác, biết hư không vô biên, thể nhập Hư không vô biên là giải thoát thứ tư.
5. Bồ-tát vượt qua các tướng hư không vô biên, biết thức vô biên, thể nhập Thức vô biên là giải thoát thứ năm.
6. Bồ-tát vượt qua các tướng thức vô biên, biết vô sở hữu, thể nhập Vô sở hữu xứ là giải thoát thứ sáu.
7. Đại Bồ-tát vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, biết sự an ổn của phi hữu tướng phi vô tướng, thể nhập Phi hữu tướng phi vô tướng là giải thoát thứ bảy.
8. Bồ-tát vượt qua Phi hữu tướng phi vô tướng, chấm dứt các thọ tướng, thể nhập Diệt tận định là giải thoát thứ tám.

Thiện nam! Thế nào là có sắc thấy sắc? Những gì có sắc đều do nhân duyên sinh, biết chúng rỗng lặng, không có tuổi thọ, do đó thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Thế nào là bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài? Thấy sự rỗng lặng không có tuổi thọ đều là nhân duyên sinh, do đó thoát khỏi sự trói buộc là giải thoát. Thế nào là tin vào sự thanh tịnh? Nếu phân biệt tướng tịnh, bất tịnh là tà kiến, vì tin vào sự thanh tịnh nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua tất cả sắc tướng, chấm dứt mọi tướng đối đãi, không nghĩ đến tướng sai biệt, biết Hư không vô biên, thể nhập Hư không vô biên, biết vô số Hư không đều rỗng lặng thì thoát khỏi trói buộc, là giải thoát. Vượt qua Hư không vô biên biết thức vô biên, thể nhập thức vô biên, biết tất cả thức vô biên đó đều rỗng lặng thì thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua Thức vô biên biết Vô sở hữu, thể nhập Vô sở hữu, sở hữu là phiền não tham, sân, si, thể nhập Vô sở hữu là diệt trừ phiền não ấy, do biết như vậy nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua các Vô sở hữu, biết sự an ổn của Phi hữu tướng phi vô tướng, thể nhập Phi hữu tướng phi vô tướng. Phi hữu tướng là tự tánh rỗng rỗng, vắng lặng, phi vô tướng là do nhân duyên mà có, nhờ biết như vậy nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua Phi hữu tướng phi vô tướng, chấm dứt các thọ tướng, thể nhập Diệt tận định. Bồ-tát thấy tướng như dợn nắng, thọ như bọt nước, tướng chính là thọ, thọ chính là tướng, không hiểu biết, không thọ mạng, do biết như vậy nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có tám Thắng xứ?

Đó là:

1. Có sắc thấy sắc tự tại thấy biết về sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ nhất.
2. Trong thân có sắc tướng, thấy sắc đẹp xấu bên ngoài, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ hai.
3. Trong thân có sắc tướng, thấy vô số sắc đẹp xấu bên ngoài, tự tại thấy biết về sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ ba.
4. Trong thân có sắc tướng, thấy một ít sắc đẹp bên ngoài, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ tư.
5. Trong thân có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu xanh ánh sáng xanh, ví như thấy màu xanh ánh sáng xanh của hoa Ưu-ma-ca. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu xanh ánh sáng xanh, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ năm.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

6. Bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu vàng, ánh sáng vàng, ví như thấy màu vàng ánh sáng vàng của hoa Da-ni-ca-la. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu vàng ánh sáng vàng, tự tại thấy biết sắc ấy. Đó là Thắng xứ thứ sáu.

7. Bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu đỏ ánh sáng đỏ, ví như thấy màu đỏ ánh sáng đỏ của hoa Bát-đầu-thi-bà. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu đỏ ánh sáng đỏ, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ bảy.

8. Bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu trắng ánh sáng trắng, ví như thấy màu trắng ánh sáng trắng của hoa Ưu-sa-tư-đa-la. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu trắng ánh sáng trắng, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ tám.

